**TIỂU THUYẾT *CHÓ BI, ĐỜI LƯU LẠC* CỦA MA VĂN KHÁNG – NHÌN TỪ LÍ THUYẾT PHÊ BÌNH SINH THÁI**

**ThS. Nguyễn Thùy Trang**

**1. Mở đầu**

Ma Văn Kháng là một trong những nhà văn có công đầu tiên mở đường cho sự nghiệp đổi mới văn học. Vào những năm 80 của thế kỉ XX, nhiều sáng tác của ông đã “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”. Các tác phẩm *Mùa lá rụng trong vườn, Đám cưới không có giấy giá thú, Ngược dòng nước lũ,*… đều hướng vào đề tài đời tư, thế sự, mạnh dạn lên án những tiêu cực xảy ra giữa cuộc sống có nhiều biến động. Với tiểu thuyết *Chó Bi, đời lưu lạc*, trải qua nhiều năm cầm bút, nhà văn đã hé mở một hiện thực đa chiều qua góc nhìn mới mẻ, đầy sáng tạo. Dưới ánh xạ của chó Bi, mọi hành động, sự việc trong thế giới con người đều được nhận định khách quan hơn. Vì thế, *Chó Bi, đời lưu lạc* không chỉ đơn thuần là câu chuyện về đời sống phức tạp hôm nay, mà còn bản hòa ca tôn vinh thế giới tự nhiên, vẻ đẹp của loài vật. Nên bên cạnh âm hưởng hiện thực phê phán, tiểu thuyết này còn mang tinh thần sinh thái sâu sắc, thể hiện tư tưởng “kính trọng sinh mệnh” của nhà văn Ma Văn Kháng trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, nhiều cá thể động – thực vật có nguy cơ tuyệt chủng hiện nay.

**2. Nội dung**

**2.1. Chó Bi – hiện thân của cái đẹp**

Nhân vật chính trong tác phẩm là chú chó Bi, sống trong gia đình Toản từ những ngày còn là “một bụm tơ vàng”, mới chỉ rời vú mẹ được dăm hôm, “chú còn nguyên dạng một êu con nít bụ bẫm, thơ dại, với một mẩu thân mình trên bốn cái chân ngắn ngủn và cái đuôi tí xíu xoáy tít một vòng tròn”.Nhưng từ đầu, Bi đã chứng tỏ mình rất đặc biệt, “không phải là một chú chó con hiền lành dễ bảo” khi phản ứng mạnh bạo với hai mẹ con Toản bằng hành động cắn tay, trốn dưới gầm phản tuyệt thực, sủa lại mèo Mí. Sự phớt lờ, làm thinh và thách thức mẹ con Toản khiến cậu bé đặt ra giả thuyết: “Hay là chú định cho tôi một bài học, rằng chớ có nên vỗ ngực ta đây là loài ưu đẳng nhất thế gian mà coi thường các sinh vật khác; rằng chú tuy là chó, lại là chó con, nghĩa là thuộc lớp dưới cùng trong đám động vật chúng sinh hạ đẳng, vốn bị miệt thị và bỉ bai, nhưng cũng không phải là kẻ dễ bị mua chuộc, mồi chài đâu! Ai người ta cũng có tư cách cả đấy, ông người ạ!”(1). Thái độ của Bi ngầm phát đi tín hiệu giúp chúng ta hiểu được loài vật và con người luôn bình đẳng với nhau, Bi có một nhận thức, một tâm hồn của riêng mình. Đây cũng là một cách phản bác, châm biếm nhẹ nhàng trước thái độ tự tin của con người về khả năng thống trị, chiếm lĩnh thế giới, để từ đó xem thường các loài vật khác.

Bi mang những phẩm chất đáng quý. Với tướng mạo bên ngoài *“*dáng nằm rất gọn. Mõm gác lên hai chân trước để song song. Ngực áp đất. Nghe động là vọt lên ngay”, nhà báo Đạt đã nhận xét, Bi “đủ dũng, nghĩa, vừa có đức nhân, vừa có trí, có tình chẳng kém gì người”(2). Qua trận chiến với con Xồm mà ông Viễn và Xuân Chương bày ra, Bi đã trình diễn cho đám đông thấy sức mạnh, ý chí và sự tinh khôn của mình. Con Xồm hung hãn, trải đời đã đưa ra những đòn đánh bạo tàn, hiểm ác khiến đôi lúc Bi bị chèn ép, lấn lướt. Nhưng nhờ sự động viên, cổ vũ của Toản bên cạnh, Bi được tiếp thêm tinh thần, một nội lực tiềm ẩn được khơi nguồn, nhân lên gấp bội đã tạo thành một cú đánh đầu ngoạn mục và hết sức mạnh mẽ. Bi nắm lấy yếu điểm của đối phương, tận dụng ưu điểm tuổi trẻ tinh nhanh của mình, đánh trả địch thủ đúng thời điểm và giành chiến thắng trong sự ngỡ ngàng, tức tối của những kẻ chủ mưu. Sau trận đấu này, Bi trở thành “anh hùng” của xóm, đánh dấu bước trưởng thành về thể xác và nhận thức của cậu. Cũng từ đó, mọi người vì Bi mà nể mẹ con Toản hơn.

Bi còn là một chất xúc tác lạ kì để Toản nhận ra hoàn cảnh sống bí bách, lặng thầm, thiếu sinh khí trong ngôi nhà. Trước khi có Bi, Toản không gọi tên được nỗi trống trải, quạnh quẽ mà gia đình cậu đã và đang phải chịu đựng. Những trò nghịch ngợm, nô đùa, và cả những lần xông pha bảo vệ chủ của Bi đã khiến Toản hạnh phúc, có cảm giác an toàn, vui vẻ. Thoạt tiên, Toản tưởng Bi cũng như mọi con vật khác, nghĩa là nó đến với gia đình cậu “như một ngẫu nhiên”, “như một sự lắp ghép, thêm thắt vào”. Có biết đâu, Bi đã hòa nhập vào gia đình, cùng đồng hành, chia sẻ, thậm chí nó “lĩnh đủ mọi rủi ro do số phận oái oăm đưa đến cho gia đình tôi. Mà nó thì đã có tội tình gì!”. Những màn trả thù thâm hiểm mà ông Viễn cùng đồng bọn bày ra luôn đẩy Bi vào tình trạng “thừa sống thiếu chết”, lúc bị trúng bả, lúc bị đánh đập, có lúc bị gán tội oan… Nhưng bao giờ Bi cũng vượt qua bằng một tình yêu chân thành, chung thủy, tận tụy với gia đình Toản.

Vẻ đẹp của Bi thật sự nổi bật trong bức tranh phản chiếu với đời sống con người. Ma Văn Kháng khẳng định, “các con vật không bao giờ thờ ơ trước tình cảm của con người”(3). Còn con người lại đối xử tệ bạc với nhau. Những nhóm người như Xuân Chương, Viễn cụt, bà Lên, gã y sĩ nửa mùa… liên tục lợi dụng chức quyền, dùng nhiều thủ đoạn để hãm hại người dân lương thiện. Đặc biệt, họ đã đẩy gia đình mà Bi sống vào con đường cùng. Ông Thuần cùng con trai đầu bị tù tội, người vợ chịu sự kì thị, xem thường của hàng xóm láng giềng, đứa con út gánh nhiều thiệt thòi trong học hành.

Sự phản kháng của Bi trước ông Viễn, Xuân Chương, bà Lên không đơn thuần chỉ là phản ứng tự vệ, bảo vệ gia chủ. Đó còn là sự đả phá của cái đẹp trước cái xấu, thể hiện tinh thần tỏa sáng của những giá trị thiên lương trong đời sống nhiễu nhương. Để từ đó, chúng ta ngộ ra nhiều điều ngỡ ngàng, “hóa ra, con người, sinh thể tập trung những cái tuyệt hảo nhất, cũng là con vật ứ đọng những xấu xa tồi tệ nhất của tự nhiên”(4). Bằng cách này, vô tình Ma Văn Kháng đã “giải cấu trúc” vị thế con người, phủ định phương châm “người ta là hoa đất” – vốn xem con người là tinh túy giữa đất trời, là hương hoa tiết ngọc của thiên nhiên; qua đó nhắn nhủ nếu con người không hoàn thiện mình, con người sẽ thụt lùi về mặt nhận thức và đạo đức trong tiến trình phát triển của thế giới muôn loài. Như Mạnh Tử đã từng nói: “Nhân chi sở dĩ dị vu cầm thú giả kỷ hi, thứ dân khử chi, quân tử tồn chi” (Con người không khác xa với cầm thú, kẻ tầm thường thì rất dễ dàng mất nó, người quân tử thì biết bảo tồn nó).

**2.2. Hành trình lưu lạc – trở về với tự nhiên**

Câu chuyện trở nên hấp dẫn, kịch tính khi Bi dấn thân vào cuộc sống phiêu dạt bên ngoài. Theo chân anh Cần, Bi đến với lâm trường phố O lạ lẫm. Khởi đầu chuyến đi, lần đầu tiên trong đời Bi được trải nghiệm “hoạt cảnh truyền sinh của giống nòi” với người bạn khác giới “lông trắng, tai vểnh, vóc dáng thiếu nữ dậy thì thon thả”. Song, cảm giác khoan khoái ấy nhanh chóng vụt tắt, Bi chông chênh trên hành trình bất định. Gia nhập vào đám quân tứ chiêng tụ hội để đào bới vàng, nhưng “Bi ở ngoài khúc điệu cuồng loạn của cơn sốt kim tiền kinh thiên. Bi không biết đến những quy luật thống trị mới đã phát sinh và con người tưởng là đến đây để tìm kiếm tự do, hóa ra lại là đưa mình vào môi trường khống chế của bạo lực đồng tiền”(5). Bi cũng “không biết đến cả nội khó nhọc của anh Cần tôi và anh Thái. Họ đào bới rất vất vả mà thu hoạch chẳng được là bao”.Bi “không thể biết được những dị biệt của đời thường. Không biết cả việc tên Đậu đầu gấu vừa mới chuyển nhà đến sau quả đồi có nhà Bi ở. Tên lưu manh này có những trang tiểu sử thật là tởm lợm”(6). Bi càng không hay biết phiên tòa xử tội tên Đậu và những việc xảy ra kế tiếp. Nói đúng hơn, Bi dửng dưng với cuộc sống hiện thực mà con người đang đối chọi, hãm hại lẫn nhau. Lí do là bởi Bi đang “ngẩn ngơ như lạc lối vào Thiên thai” trước cảnh đẹp của núi rừng biên giới phía Bắc. Cành hoa chuối đỏ rửng, cây mác mật vàng chóe như chùm nhạc, đàn chim má bạc ríu ran mỗi sớm mai, lượn qua khu đồi, gọi hồn Bi vào phiêu lãng. Gạt bỏ ngoài tai “đám tạp âm của bầy người đang xáo trộn đất đai”, từ sâu thẳm, ở mỗi tế bào Bi như được thức giấc. Nỗi nhớ rừng, nhớ đời sống hoang dã chảy về hiện hữu qua tiềm thức của Bi.

Giống như chó Buck trong *Tiếng gọi nơi hoang dã* của Jack London, kí ức về dòng máu sói rừng nguyên thủy trổi dậy trong Bi. Nhưng nếu như Buck bị bắt cóc trong trang trại của một gia đình giàu có, trở thành chó kéo xe cho những người đi tìm vàng ở vùng Alaska lạnh giá, được Thornton yêu thương, rồi ông chủ chết, không còn mối liên hệ nào níu Buck lại với con người, nó bị cuốn theo tiếng gọi nơi hoang dã, trở thành sói hoang. Thì Bi lại may mắn hơn, Bi bỏ trốn khỏi chốn rừng thiêng nước độc, số phận hay sự đánh hơi tài tình “mùi” của người thân đã khéo đưa Bi đến với ông Thuần – bố của Toản, và được ông đón nhận với tình cảm chân thành qua sự mường tượng những lá thư mà mẹ con Toản đã gửi cho ông.

Bi tiếp tục cuộc hành trình lưu lạc tứ xứ với ông Thuần. Khác với hành trình đầu tiên hiển hiện đầy những xấu xa, thấp hèn của con người, trong lần này, người đồng hành cùng Bi là một người “rất coi trọng sự chan hòa bản thể với thế giới bên ngoài”. Ông Thuần vừa mong muốn vượt ra khỏi các định luật thông thường bằng trí tuệ, sự sáng tạo, lại vừa “biết lắng nghe sự phát triển tự thân của các sự vật, coi đó là con đường lớn của tự nhiên”. Chính vì thế, sau mấy tháng trời sống cùng nhau, “hai thầy trò đã tỏ ra rất tâm đầu ý hợp”. Ông Thuần có thêm một người bạn cùng chia sẻ buồn vui sau chuỗi ngày cô đơn trong tù, một trợ thủ đắc lực trong công cuộc sinh tồn và chăm lo Đảo Khỉ; còn Bi lại vô cùng thích thú, vốn là một con vật hiếu động, gần gũi với thiên nhiên, Bi hăng hái, xông pha cùng ông trên mọi nẻo đường. Robinson có anh Thứ Sáu da đen, còn bố của Toản lại có Bi đồng hành, cứu mạng, giúp đỡ. Ngoài tình yêu thương trong sáng, bền chặt, Bi với ông Thuần còn là cội nguồn của cảm giác yên ổn, không cô độc, đặc biệt, Bi giúp ông “hòa mình với tự nhiên, một tự nhiên rất dễ đối lập với con người đơn lẻ”.

Phê bình sinh thái luôn đề cao tính chỉnh thể. Ma Văn Kháng đã tạo nên một bối cảnh hài hòa trong tổng thể tự nhiên, Bi và ông Thuần như “một phần tử của bức tranh thiên nhiên kì vĩ, ẩn chứa bao quy luật và hiện tượng vô cùng huyền bí”(7). Sự xuất hiện của Bi trong hành trình đến với cuộc sống con người nhắc ta về một thuở hồng hoang. Ấy là từ xưa rất xưa, khi thần Promete đánh cắp lửa đem xuống cho loài người, chúng ta đã bắt đầu biết “ăn chín uống sôi”, sưởi ấm, xua đuổi bóng đêm và ác thú. Rồi con người còn biết dùng lửa để truyền hơi ấm và cảm hóa những loài vật hoang dã khác. Chó rừng đi theo con người khởi nguồn từ những ngày sống trong rừng già ấy, khi “hành động vô tình của họ: ném đi chút đồ ăn thừa hóa ra lại có ý nghĩa thật lớn lao”. Dần dần, nhân loại ý thức hơn, “chăm sóc một kẻ khác loài” như một người bạn đồng hành. Nhờ đó, “không một con vật hung dữ nào dám mon men đến quấy phá giấc ngủ của con người, đe dọa tính mạng con người, còn là bởi vì, ở vòng ngoài, cách đống lửa vài bước chân, con người không tuyển lựa mà có cả bầy vệ sĩ tự nguyện đến bảo vệ giùm, những con chó rừng có bộ răng sắc nhọn lợi hại, tài chạy vô địch và khôn ngoan nhất hạng”(8). Qua hàng ngàn năm, những động vật hoang dã đã đến với con người như một bước tiến tất yếu của nền văn minh, trở thành những người bạn thân thiết, gắn bó và tương sinh, tương trợ lẫn nhau.

Trải qua bao trầm luân, lưu lạc, chó Bi như một sợi dây kết nối, xâu chuỗi các sự kiện trong những mối quan hệ xã hội. Những mảnh đời éo le, bất hạnh, những âm mưu, thủ đoạn,… được ghép lại tạo thành một câu chuyện sinh động về con người trong phần đời của một loài vật. Như một quyền năng thiên định can thiệp vào số phận của gia đình ông Thuần, Bi truy đuổi được kẻ chủ mưu đưa đến những nghịch cảnh éo le cho những con người lương thiện. Do đó, hành trình phiêu lưu của Bi cũng là hành trình đi tìm chân lí. Xuất phát từ tấm lòng nặng trĩu ưu tư, Ma Văn Kháng đã phác thảo bức tranh hiện thực những năm sau Đổi mới với những mặt khiếm khuyết trong đời sống xã hội. Đồng thời nhà văn còn xác lập một chân lí: “Tự nhiên luôn giữ quyền trừng phạt mọi sự vượt quá ranh giới”(9).

**2.3. Diễn ngôn môi trường và nghệ thuật sinh thái**

Ma Văn Kháng không viết về loài vật theo kiểu truyện đồng thoại với lối diễn ngôn dành cho trẻ thơ, *Chó Bi, đời lưu lạc* là tiểu thuyết thể hiện tinh thần bình đẳng với muôn loài thông qua lối diễn ngôn môi trường và nghệ thuật sinh thái đặc sắc.

Quan niệm văn học truyền thống thường xem tự nhiên chỉ là công cụ để biểu hiện cuộc sống con người, là thành tố quan trọng của thi pháp học, là cảm hứng nghệ thuật của nhà văn. Nên thiên nhiên xuất hiện trong văn chương như một khách thể tự tại. Các nhà văn thường mượn thiên nhiên để “tức cảnh sinh tình”, bộc lộ tình cảm, tư tưởng, làm đòn bẩy nhằm nổi bật chân dung chủ thể con người. Điểm này hoàn toàn đối ngược với lí thuyết phê bình sinh thái. Các nhà phê bình sinh thái mạnh mẽ phản đối thái độ xem thiên nhiên là công cụ, là khách thể nêu trên. Đó là những gì William Ruecker gọi, “văn học sinh thái” tìm hiểu những cách thức thiên nhiên bị cách li khỏi nhịp điệu phát triển xã hội, im lặng, hoặc xô đẩy. Nó phải là những diễn ngôn biểu đạt quá trình thao túng thế giới phi nhân (non-human) trong văn học, và thảo luận cách thức tự nhiên bị đẩy ra “ngoài lề”, “câm lặng”.

Ở đây, chó Bi trong tiểu thuyết không hề “làm nền” để nổi bật hình ảnh con người. Trái lại, con người bị mờ dần trước vẻ đẹp thánh thiện, hài hòa của Bi. Ngòi bút của Ma Văn Kháng luôn tung hứng trong những đoạn nói về loài chó. “Con chó đã đi vào đời sống người mình. In dấu cả vào văn chương”, “trở thành ẩn du, biểu tượng của bao kinh nghiệm nhân sinh”. Những huyền tích xưa được nhắc lại: Những con chó yêu quý và hết mực trung thành với chủ, đến mức chủ chết, nó nằm gác mộ chủ cho đến khi đói khát, chết rục tại chỗ. Chính cậu bé Toản cũng đã nhận ra “con vật không vô tình đâu”, nên “vật nuôi và người bao giờ cũng có mối quan hệ qua lại”. Nhà văn nhấn mạnh, “sinh vật nào cũng có ưu thế riêng của nó. Con mèo thì có cái tài trèo leo, cái nhìn xuyên thấu màn đêm, bộ râu ăngten, tài ém mình và bước nhảy vồ tuyệt diệu. Con khỉ là đấu thủ số một về môn đu, nhảy trên cây, cùng là tài bắt chước người. Chuột theo cụ Đồ Chiểu, có đến bảy cái tài: leo trèo, nhảy tường, vượt rào, đào đất, bơi lội…”(10). Đề cao thế giới muôn loài, nhà văn đã xây dựng kết cấu song song giữa con người với tự nhiên. Nhờ lối viết song hành này, Ma Văn Kháng đã tạo nên sức hấp dẫn khởi phát từ thế giới phi nhân loại (non-human) với một “thiên nhiên còn bao nhiêu điều ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta”.

Đưa vào tiểu thuyết nhiều yếu tố mang tính tâm linh cũng là cách tác giả khẳng định sự huyền diệu, kì bí của tự nhiên. Chẳng hạn, giữa lúc mẹ Toản hộc máu và ngất đi vì đổ vỡ niềm hi vọng nhỏ nhoi tìm tung tích ông Thuần, cũng là lúc ông Thuần lưu lạc nơi đảo xa chộn rộn cảm giác khó tả và chảy máu theo. Hay như một đêm, Toản đi học về, bỗng nhiên lốp trước xẹp hết hơi, khi xuống xe đi bộ khoảng hai bước mới giật mình thấy cái hố sâu đen ngòm ai đào chưa kịp lấp, chỉ chút nữa thôi cậu sẽ bị ngã và gãy chân. Những dự cảm, những xung năng giác quan được mở rộng thông qua những tín hiệu đặc biệt từ tự nhiên để nhà văn nhấn mạnh rằng, “thế giới thật rộng lớn, vũ trụ bao la với muôn ngàn điều huyền bí, và con người quả thật là một sinh thể vô cùng yểu nhược, sống thoi thóp lo sợ giữa các áp lực vô hình, không thể biết: có phải thế chăng?”(11).

Hơn nữa, qua nhiều chi tiết nhỏ, Ma Văn Kháng còn hé lộ một sự thực phũ phàng trong quá trình phát triển của nhân loại. Những bãi vàng khai hoang, biến bộ mặt của một thị trấn heo hút trở nên sầm uất, nham nhở; hỗn tạp người thập phương thi nhau đào bới tìm vàng trong lớp mạch sa khoáng chảy ngầm khiến đất đai “tiều tụy, cằn cỗi, trồng cây gì cũng chẳng lên”. Toàn bộ đám thực vật nguyên thủy, như dương sỉ quần cư đã sạch quang, “không còn dấu tích”. “Dưới ánh sáng của mặt trời vàng nháng ánh lửa, đất chỉ còn trơ trẽn những dãy đồi và sơn mạch hùng vĩ đã phong hóa, đá vôi lẫn với đá sỏi”(12). Và rồi, “bên cỗ máy xúc hiện đại, nguyên chiếc gầu của nó có thể đứng lọt cả hàng chục con người, có giá bằng cả một nhà máy diêm, ta có thể bắt gặp ngay cả trăm triệu năm trước ở nét lá cây hóa thạch trong mỗi tảng quặng”(13). Thậm chí, con người đang đe dọa sự sống còn của loài vật bằng chính thành tựu của mình: “Nhân mổ mấy con chim, ông Thuần phát hiện ra đều rất đau lòng. Buồng trứng của rất nhiều giống chim đã bị teo, chúng mất khả năng sinh sản, vì nhiễm phải thuốc trừ sâu”(14). Theo Bruno Streit, “sự biến đổi này có mối liên quan chặt chẽ đến thành tựu văn hóa-kĩ thuật mà loài Homo sapiens chúng ta ngày nay đã ghi nhận được kể từ khi xuất hiện và một phần là hậu quả tất yếu của nó. Vì thế mà biến đổi môi trường và biến đổi của đa dạng loài trong thiên nhiên từ lâu đã là một hiện tượng đi kèm với văn hóa và trong tương lai cũng sẽ như thế”(15).

**3. Kết luận**

Sự trả giá mà cho những văn minh tiến bộ của nhân loại ngày nay được đổi bằng việc tự nhiên dần dần biến mất, suy vong. Vì tự nhiên không chỉ là đối tượng tiếp nhận thụ động những can thiệp của con người, mà còn là một thành tố quan trọng gắn bó mật thiết trong quá trình chuyển đổi đời sống văn hóa xã hội. Do đó, tư duy về mối quan hệ “tự nhiên - con người - xã hội” phải mang tính khoa học, tính thực tiễn và tính nhân văn cao cả. Cụ thể trong quá trình biến đổi tự nhiên, con người cần có những động thái tích cực nhằm tạo ra môi trường sống mới vừa phù hợp với bản chất người và phát triển xã hội, vừa phù hợp với bản chất, sự tồn tại và phát triển của tự nhiên.

Bằng việc đưa ra những cảnh báo về môi trường và nguy cơ sinh tồn của nhiều loại động – thực vật, tiểu thuyết của Ma Văn Kháng đã phản ánh được tinh thần của phê bình sinh thái như Cheryll Glotfelty từng nhận định: “hầu hết tác phẩm phê bình sinh thái đều có chung một động cơ: đó là nỗi day dứt về việc chúng ta đã đi tới thời đại môi trường cạn kiệt, một thời đại mà hậu quả hành động của con người đang tàn phá hành tinh. Chúng ta đã tới thời đại đó. Hoặc là chúng ta phải thay đổi chính mình hoặc sẽ phải đối mặt với thảm họa toàn cầu. Con người đang tàn phá vẻ đẹp tự nhiên và đẩy vô vàn sinh vật đến bên bờ tuyệt chủng trong cuộc chạy đua điên rồ của chúng ta tới ngày tận thế”(16). Cho nên, *Chó Bi, đời lưu lạc* không chỉ cuốn hút trẻ thơ bước vào chuyến phiêu lưu kì bí với chú Bi mà còn mở ra những bài học mang giá trị giáo dục cao, thức tỉnh nhận thức của độc giả mọi trang lứa đối với môi trường, sinh vật, tự nhiên.

**NTT**

**Chú thích**

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) (12) (13) (14) Ma Văn Kháng, *Chó Bi, đời lưu lạc*, Nxb Kim Đồng, H., 2016, tr.9, tr.82, tr.14, tr.209, tr.137, tr.138, tr.164, tr.254, tr.138, tr.104-105, tr.42, tr.252, tr.253, tr.160.

(15) Bruno Streit, *Đa dạng sinh học*, Nxb Tri thức, H., 2011, tr.14.

(16) Cheryll Glotfely, “Introduction: Literary Studies in an Age of Environmental Crisis”, *The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literature Ecology*, edited by Cheryll Glotfely and Harold Fromm, University of Georgia Press, 1996, p.xx.